

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 30/2001/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2001

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 128/1998/TT-BTC ngày 22/9/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 22/CP ngày 17/4/1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế

Căn cứ quy định của các Luật thuế, Pháp lệnh thuế và pháp luật về các khoản thu nộp khác của ngân sách Nhà nước;

Sau thời gian thi hành Nghị định số 22/CP ngày 17 tháng 4 năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 128/1998 /TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 1998 của Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là Thông tư số 128/1998/TT-BTC) như sau:

I. Thay thế điểm 1, Mục II của Thông tư số 128/1998/TT-BTC bằng điểm 1 mới như sau:

1. Mức xử phạt đối với hành vi vi phạm về thủ tục đăng ký nộp thuế, kê khai nộp thuế, hành vi vi phạm chế độ hoá đơn, chứng từ chứng minh việc tính thuế, nộp thuế đối với hàng hoá vận chuyển trên đường.

1.1. Vi phạm lần đầu phạt cảnh cáo; nếu vi phạm lần 2 thì phạt tiền từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

- Đăng ký nộp thuế, đăng ký mã số thuế (kể cả trường hợp phải đăng ký bổ sung mỗi khi có sự thay đổi) với cơ quan thuế quá thời hạn quy định trong các văn bản hiện hành hướng dẫn thực hiện pháp luật về thuế.
- Khai không đúng, không đủ các khoản mục quy định trong tờ khai thuế.

1.2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với vi phạm lần đầu; nếu vi phạm lần 2 phạt từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng, nếu có 1 tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 6.000.000 đồng, nếu có từ 2 tình tiết tăng nặng trở lên có thể phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a. Không nộp tờ khai thuế cho cơ quan thu thuế trong thời hạn quy định của các văn bản hiện hành hướng dẫn thực hiện pháp luật về thuế.

b. Vận chuyển hàng hoá không kèm theo các hồ sơ, giấy tờ chứng minh việc tính thuế, nộp thuế, nguồn gốc hàng hoá quy định cho từng đối tượng kinh doanh (sổ mua hàng, tờ khai nhập khẩu, chứng từ, giấy tờ hợp lệ khác).

1.3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với vi phạm lần đầu nếu vi phạm lần 2 phạt tiền đến 13.000.000 đồng, nếu có tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không nộp các tờ khai thuế và các giấy tờ khác liên quan đến việc tính thuế, nộp thuế cho cơ quan thu thuế theo quy định của pháp luật. Tình tiết tăng nặng trong trường hợp này còn bao gồm cả việc trì hoãn, không thực hiện thông báo của cơ quan thuế, cụ thể là: sau khi hết hạn nộp các loại giấy tờ trên theo quy định, cơ quan thu thuế gửi giấy thông báo lần thứ nhất cho đối tượng nộp thuế, quá 10 ngày kể từ ngày gửi thông báo mà đối tượng nộp thuế vẫn không nộp, cơ quan thu thuế gửi thông báo lần thứ 2. Nếu quá 10 ngày kể từ ngày gửi thông báo lần thứ 2 mà đối tượng nộp thuế vẫn không nộp thì hành vi này được xác định là có tình tiết tăng nặng.

II. Thay thế điểm 2, Mục II của Thông tư số 128/1998/TT-BTC bằng điểm 2 mới như sau:

2. Hành vi khai man, trốn thuế.

Khai man, trốn thuế là hành vi của đối tượng nộp thuế vi phạm các quy định của pháp luật dẫn đến làm giảm một phần hay toàn bộ số thuế theo quy định của pháp luật hoặc để được hưởng lợi không đúng từ việc miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế.

Các tiêu chí để xác định hành vi khai man, trốn thuế là:

+ Khai man, trốn thuế là hành vi vi phạm pháp luật, bao gồm cả pháp luật về thuế và pháp luật khác.

+ Chủ thể của hành vi khai man, trốn thuế là các cá nhân hoặc tổ chức thuộc đối tượng nộp thuế.

+ Hậu quả của hành vi vi phạm là dẫn đến việc làm giảm số thuế phải nộp hoặc tăng số thuế được miễn, được giảm, được hoàn.

Thời điểm để xác định hành vi khai man, trốn thuế là thời điểm hành vi vi phạm bị phát hiện, phù hợp với phương thức, thời hạn phải kê khai, phải nộp thuế, phải quyết toán thuế theo quy định của các Luật, Pháp lệnh thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể như sau:

+ Đối với các trường hợp pháp luật quy định chế độ kê khai, tạm nộp hàng tháng, quyết toán theo năm: được xác định là khai man, trốn thuế nếu hành vi vi phạm bị phát hiện sau ngày phải nộp quyết toán thuế hàng năm.

+ Đối với các trường hợp pháp luật quy định kê khai nộp thuế 1 lần theo thông báo của cơ quan thu thuế được xác định là khai man, trốn thuế nếu hành vi vi phạm bị phát hiện sau ngày phải nộp đủ tiền thuế ghi trên thông báo của cơ quan thu thuế.

Tổ chức, cá nhân có hành vi khai man, trốn thuế ngoài việc phải nộp đủ số tiền do khai man, trốn thuế còn bị xử phạt tiền theo số lần tính trên số tiền thuế trốn theo các mức quy định dưới đây, nhưng mức phạt tối đa không quá 100.000.000 đồng:

2.1. Phạt bằng số tiền thuế trốn, nếu có tình tiết tăng nặng (trừ trường hợp đã bị xử lý về hành vi khai man, trốn thuế mà còn vi phạm) thì bị phạt đến 2 lần số tiền thuế trốn đối với một trong các hành vi sau:

a. Kê khai không đúng đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế theo quy định của từng loại thuế, bao gồm:

- Kê khai sai nguồn gốc, mục đích sử dụng, chủng loại, số lượng, quy cách, thực trạng hàng hoá, dịch vụ, mã số thuế, giá tính thuế, thuế suất;

- Kê khai sai đối tượng, mặt hàng, loại hình kinh doanh, địa bàn hoạt động để gian lận thu nhập được miễn thuế, giảm thuế, trốn khai báo doanh thu hoặc kê khai các khoản chi phí thực tế không phát sinh làm giảm thu nhập chịu thuế;

- Không quyết toán hoặc không khai báo lại với cơ quan thuế về hàng hoá, dịch vụ hoặc thu nhập đã được miễn, giảm thuế, hoàn thuế nhưng thực tế được sử dụng

vào mục đích khác thuộc diện phải truy nộp thuế.

b. Thực hiện các hành vi vi phạm thuộc lĩnh vực kế toán dẫn đến khai man, trốn thuế, bao gồm:

- Sử dụng hoá đơn, chứng từ kế toán không đúng quy định của Bộ Tài chính hoặc không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, kể cả việc gian lận nội dung kinh tế trên hoá đơn, chứng từ; sử dụng hoá đơn, chứng từ giả hoặc hoá đơn, chứng từ hết thời hạn sử dụng; sử dụng mẫu hoá đơn tự in chưa được Bộ Tài chính chấp thuận;
- Bán hàng hoá, dịch vụ mà không lập hoá đơn, chứng từ (trừ trường hợp không phải lập hoá đơn theo chế độ quy định), không ghi vào sổ kế toán bán hàng, không tính vào doanh thu kê khai nộp thuế.
- Mua, bán hoá đơn không đúng quy định và lợi dụng các hoá đơn đó để kê không chi phí thực tế không phát sinh làm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc gian lận, khai tăng số thuế được khấu trừ, số thuế được hoàn;
- Làm mất hoá đơn hoặc mất chứng từ kế toán nhưng không khai báo kịp thời cho cơ quan thuế và các cơ quan chức năng theo quy định của Nhà nước và lợi dụng việc mất hoá đơn, chứng từ để trốn thuế hoặc thông đồng với người khác trốn thuế.

Đối với các hành vi vi phạm nêu tại các tiết a, b trên đây nếu bị phát hiện trước thời điểm phải nộp quyết toán thuế hoặc phải nộp đủ thuế theo quy định của pháp luật thì không áp dụng các mức xử phạt theo số lần tính trên số tiền thuế trốn mà áp dụng các mức phạt quy định tại khoản 2, Điều 2 của Nghị định số 22/CP ngày 17/4/1996.

c. Xin tạm nghỉ kinh doanh, thông báo ngừng hoạt động để được miễn thuế, giảm thuế, không phải nộp thuế, nhưng thực tế vẫn kinh doanh.

d. Truy thu thuế và áp dụng các mức phạt tiền theo quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán đối với các trường hợp sau đây nếu vi phạm lần đầu:

- Hạch toán, kê khai không đúng doanh thu giữa các niên độ kế toán làm sai lệch thu nhập chịu thuế phải điều chỉnh lại khi kiểm tra quyết toán thuế;
- Các khoản chi có đủ chứng từ hợp lệ nhưng kê khai vượt mức khống chế tối đa theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp phải loại trừ ra khỏi chi phí hợp lý để xác định thu nhập chịu thuế. Thí dụ: chi phí về quảng cáo, tiếp thị